

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27- 02- 2025
V/v ly hôn và nuôi con

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình
Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 644/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Bé Th, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp HA, xã HL, huyện GR, tỉnh KG

- Bị đơn: A Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp HA, xã HL, huyện GR, tỉnh KG

(Chị Th, A Nh đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện chị Đinh Thị Bé Th nguyên đơn trình bày: Chị Th và A Nguyễn Văn Nh tự tìm hiểu chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2003, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Sau khi kết hôn chị Th và A Nh hạnh phúc được

thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, nên vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm chăm sóc nhau đã hơn nửa năm nay. Nay chị xét thấy giữa chị và A Nh không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với A Nguyễn Văn Nh.

Về con chung: Chị và A Nh có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Thị Y, sinh ngày 10/10/2005, Nguyễn Phương A, sinh ngày 10/5/2014. Nay chị Th yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Phương A, không yêu cầu A Nh phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Y đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn A Nguyễn Văn Nh đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản, ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, thẩm phán, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng nguyên đơn và bị đơn vắng mặt. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Bé Th và A Nguyễn Văn Nh có đăng ký kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc nên cả hai đã sống ly thân nên xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng từ đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Bé Th với A Nguyễn Văn Nh.

Về con chung: Chị Th và A Nh có hai người con chung gồm Nguyễn Thị Y, sinh ngày 10/10/2005, Nguyễn Phương A, sinh ngày 10/5/2014. Cháu Phương A chưa đủ tuổi trưởng thành, A Nh vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng không có ý kiến hay yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu A cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, A Nh không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu. Riêng cháu Y đã trưởng thành không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức Th, miễn, giảm, Th nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, A Nh với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Hòa A, xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án Thộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Quá trình tố tụng nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đinh Thị Bé Th và A Nguyễn Văn Nh là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đúng thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn chị Th cho rằng giữa chị A Nh thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được chị Th và A Nh đã sống ly thân hơn 06 tháng nay. Đối với bị đơn Tòa án đã tiến hành thông báo các thủ tục tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi nhưng đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân là nhằm để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên phải có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, muốn đạt được điều này vợ chồng cùng xây dựng, nhưng chị Th không còn tình cảm vợ chồng với A Nh và cả hai đã sống ly thân. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Th và A Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th đối với A Nh.

[2.2]. Về con chung: Chị Th A Nh có với nhau hai người con chung gồm Nguyễn Thị Y, sinh ngày 10/10/2005, Nguyễn Phương A, sinh ngày 10/5/2014, sau khi vợ chồng sống ly thân cháu Phương A sống cùng với chị Th, cháu Y đã có gia đình sống riêng. Theo quy định của luật hôn nhân và gia đình quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn là nếu sau khi ly hôn vợ chồng không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con thì do Tòa án quyết định, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Trong suốt quá trình tố tụng A Nh vắng mặt không có ý kiến về việc chị Th không đảm bảo điều kiện nuôi con cũng như không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Xét thấy chị Th cho rằng cháu Phương A đang sống cùng chị nên để đảm bảo điều kiện phát triển cho các con và giữ sự ổn định nghị nên tiếp tục giao hai cháu Phương A cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định và nguyện vọng của con. Về cấp dưỡng A Nh không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu. Đối cháu Y đã trưởng thành không mất khả năng lao động không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cháu Phương A có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

A Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Đinh Thị Bé Th phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí chị Th đã nộp 300.000đ theo Biên lai Th của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị Bé Th được ly hôn với A Nguyễn Văn Nh.

2. Về quan hệ con chung: Giao Nguyễn Phương A, sinh ngày 10/5/2014, cho chị Đinh Thị Bé Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, A Nh không phải cấp dưỡng

nuôi con do chị Th không yêu cầu. Riêng cháu Nguyễn Thị Y đã trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét.

Cháu A có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

A Nguyễn Văn Nh được quyền tới lui chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Đinh Thị Bé Th phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai Th số 0008990 ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị Bé Th, A Nguyễn Văn Nh vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên